

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ Năm báo cáo: Năm 2006

A.- Lịch sử hoạt động của Công ty :

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế) - tên tiếng Anh là Interfood Shareholding Company - (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam với thời gian hoạt động là 40 năm theo Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991. Công ty hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd., một công ty được thành lập ở Malaysia.

Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 270 CPH/GP ngày 9 tháng 8 năm 2005 cho phép Công ty được chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần với vốn sở hữu nước ngoài dưới tên gọi Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30,000,000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13,000,000 đô la Mỹ. Tổng cộng cổ phiếu của Công ty là 13,000,000 cổ phiếu với mệnh giá là 1 đô la Mỹ trên một cổ phiếu được nắm giữ bởi bốn cổ đông sáng lập.

Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 270 CPH/GPĐC2 ngày 15 tháng 6 năm 2006 cho phép công ty thay đổi mệnh giá cổ phiếu từ 1 đô la Mỹ thành 10.000 đồng Việt Nam một cổ phiếu và vốn điều lệ của Công ty chuyển từ 13,000,000 đô la Mỹ thành 206,336,000 ngàn đồng Việt Nam. Theo đó, tổng cộng cổ phiếu của Công ty chuyển từ 13,000,000 cổ phiếu với mệnh giá 1 đô la Mỹ trên một cổ phiếu thành 20,633,600 cổ phiếu với mệnh giá 10,000 đồng Việt Nam một cổ phiếu.

Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 270 CPH/GCNDĐC3 ngày 23 tháng 8 năm 2006 cho phép Công ty tăng vốn điều lệ thành 242,841,600 ngàn đồng Việt Nam. Tổng cộng cổ phiếu của Công ty tăng thành 24,284,160 cổ phiếu thông qua việc đăng ký thêm 3,620,560 cổ phiếu mới.

Ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 3,620,560 cổ phần mới đã được đề cập ở trên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nhận được Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 9 năm 2006 cho việc niêm yết. Theo Giấy phép Niêm yết, các cổ đông sáng lập cũng được cho phép bán 2.108.912 cổ phiếu ra công chúng. Tổng số cổ phiếu niêm yết là 5,729,472 cổ phiếu.

2. Hoạt động chính của Công Ty:

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, được muối, được ngâm dấm; sản xuất bánh quy, thức ăn nhẹ, nước ép trái cây có gas và nước ép trái cây có độ cồn thấp dưới 5%, nước tinh lọc đóng chai và sản xuất chai nhựa PET.

3. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh:

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2006 của Công Ty:

a. TÓM TẮT BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT : đồng

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
I	Tài sản ngắn hạn	348,204,903,936	395,725,451,094
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3,249,172,992	3,619,504,800
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	225,593,291,264	209,623,201,866
3	Hàng tồn kho	116,431,579,648	179,567,304,156
4	Tài sản ngắn hạn khác	2,930,860,032	2,915,440,272
II	Tài sản dài hạn	207,967,768,576	229,168,978,614
1	Tài sản cố định	182,709,512,192	228,527,257,158
	- Tài sản cố định hữu hình	182,709,512,192	228,527,257,158
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25,258,256,384	641,721,456
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	556,172,672,512	624,894,429,708
IV	Nợ phải trả	346,442,905,600	227,032,681,833
1	Nợ ngắn hạn	314,258,663,936	225,957,135,033
2	Nợ dài hạn	32,184,241,664	1,075,546,800
V	Vốn chủ sở hữu	209,729,766,912	397,861,747,875
1	Vốn chủ sở hữu	209,729,766,912	397,861,747,875
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	206,336,000,000	242,841,600,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		113,626,208,349
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		4,191,373,319
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3,393,766,912	37,202,566,207
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	556,172,672,512	624,894,429,708

b. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	2005 VND	2006 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	515,243,181,056	657,393,976,188
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-8,030,279,680	-15,707,700,873
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	507,212,901,376	641,686,275,315
4	Giá vốn hàng bán	-394,424,009,216	516,725,496,558
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112,788,892,160	124,960,778,757
6	Doanh thu hoạt động tài chính	73,804,800	6,621,487,947
7	Chi phí tài chính	-8,532,422,144	-11,820,243,231
8	Chi phí bán hàng	-25,618,630,144	-28,296,589,743
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-19,257,164,288	-25,301,562,228
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	59,454,480,384	66,163,871,502
11	Thu nhập khác	1,918,845,440	8,580,400,011
12	Chi phí khác	-1,560,217,600	-826,786,350
13	Lợi nhuận khác	358,627,840	7,753,613,661
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59,813,108,224	73,917,485,163
15	Thuê thu nhập doanh nghiệp	-8,939,284,992	-14,375,890,557
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50,873,823,232	59,541,594,606

B. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

1. Khái quát chung về công ty :

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế được thừa hưởng môi trường hoạt động từ Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế theo Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991. Công ty được chuyển đổi thành công ty đại chúng vào ngày 09/08/2005 với việc phát hành lần đầu ra công chúng 3,620,560 cổ phiếu mới cho các nhà đầu tư tổ chức và công chúng để tăng vốn điều lệ lên VND242,841,600,000.

Ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 5,729,472 cổ phần tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nhận được Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 9 năm 2006

2. Danh sách thành viên chủ chốt của công ty

a. Hội đồng quản trị Công Ty:

Số TT	Hội viên	Chức vụ
1	PANG TEE CHIANG	Chủ tịch HĐQT
2	NGUYỄN THÒ KIM LIÊN	Thành viên
3	YAU HAU JAN	Thành viên
4	PANG TZE YI	Thành viên
5	TENG PO WEN	Thành viên

b. Ban kiểm soát

Số TT	Hội viên	Chức vụ
1	THAI NGỌC NINH	Trưởng ban
2	SAW HENG SOO	Thành viên
3	DAN SO GIANG	Thành viên

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006:

Stt	Chỉ tiêu	2005 VND	2006 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	515,243,181,056	657,393,976,188
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-8,030,279,680	-15,707,700,873
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	507,212,901,376	641,686,275,315
4	Giá vốn hàng bán	-394,424,009,216	-
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112,788,892,160	124,960,778,757
6	Doanh thu hoạt động tài chính	73,804,800	6,621,487,947
7	Chi phí tài chính	-8,532,422,144	-11,820,243,231
8	Chi phí bán hàng	-25,618,630,144	-28,296,589,743
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-19,257,164,288	-25,301,562,228
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	59,454,480,384	66,163,871,502

	doanh		
11	Thu nhập khác	1,918,845,440	8,580,400,011
12	Chi phí khác	-1,560,217,600	-826,786,350
13	Lợi nhuận khác	358,627,840	7,753,613,661
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59,813,108,224	73,917,485,163
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-8,939,284,992	-14,375,890,557
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50,873,823,232	59,541,594,606

a. Thu nhập hoạt động SXKD năm 2006:

Công ty đã đạt được 641 tỉ VND doanh thu trong năm 2006 tăng 134 tỉ VND, lợi nhuận sau thuế tăng 8.7 tỉ VND so với năm 2005.

Tuy nhiên tỉ lệ lợi nhuận thu được trên doanh thu giảm là do:

- Tỉ lệ giữa giá vốn hàng bán trên doanh thu trong năm 2006 tăng 2.8% so với năm trước, do một số lý do: chi phí nhiên liệu và chi phí chung đã tăng hơn 5% trong năm 2006 so với năm 2005. Giá mua các nguyên liệu chính, bao bì đóng gói và chi phí cung ứng tăng từ 5 đến 30% so với năm trước; tiền lương tối thiểu của người lao động tăng khoảng 21% (từ 650.000 đồng/người lên 790.000 đồng/người) và tăng khoảng 7% đối với các lao động đã qua đào tạo.

- Trong năm, Công ty tập trung vào việc gia tăng thị phần, vị thế trên thị trường bằng các chương trình khuyến mãi và chiết khấu trên doanh số bán để tạo nên doanh số cao hơn trong năm 2006 do vậy việc tăng giá vốn không đồng thời với tăng giá bán. Doanh thu năm 2006 tăng 26.5% so với năm 2005

Các chi phí quản lý, bán hàng, tài chính của công ty tăng VND5.46 tỉ VND hay là 10% so với năm 2005. Việc gia tăng này chủ yếu là do kết quả của việc tăng doanh thu của công ty lên 26.5%.

Trong năm công ty đã nhận được hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp là 6.359 tỉ VND do tái đầu tư của các năm 2001 và 2002. Thuế thu nhập doanh nghiệp ảnh hưởng trong năm là 19.45% so với năm 2005 là 14.95%.

b. Chiến lược thực hiện để tăng thị phần và doanh thu:

Trong năm 2006, ban quản lý đã đặt mục tiêu doanh thu cao hơn và giành thị phần cao hơn trong đó thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tác động của các chi phí trực tiếp và gián tiếp cũng như tăng doanh thu trong năm 2006 như:

. Áp dụng hệ thống ISO 9001 (2000) cho tất cả các bộ phận và phòng ban tại trụ sở chính và hai nhà máy trực thuộc để giảm thiểu rủi ro, thiệt hại và tối đa thu nhập

. Bảo đảm và duy trì chất lượng các sản phẩm truyền thống của công ty thông qua việc nghiên cứu và phát triển, thu được kỹ thuật tiên tiến.

. Tăng cường các chương trình quảng cáo, khuyến mãi trong và ngoài nước tăng doanh số bán sản phẩm nước trái cây đóng chai PET mới

. Ký kết các hợp đồng gia công với các khách hàng và nhà phân phối truyền thống để đạt chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận

. Giới thiệu một loạt các sản phẩm có ga mới ra thị trường.

c. Khuyến khích của nhà nước:

Từ năm 2006, công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25%; tuy nhiên, các ưu đãi về thuế TNDN đã được chấp thuận bởi các cơ quan có thẩm quyền, như sau:

Ưu đãi tái đầu tư:

- Đầu tư vốn tăng thêm được miễn thuế 1 năm và giảm 50% cho 4 năm tiếp theo
- Di dời bộ phận bán hàng và các tiện ích của nó ra khỏi trung tâm thành phố Biên hoà (Miễn 2 năm và giảm 50% cho 2 năm tiếp theo).

Ưu đãi thuế đối với việc niêm yết cổ phiếu:

- Ưu đãi giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm đối với công ty cổ phần niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán; việc ưu đãi này có hiệu lực đối với công ty và việc áp dụng sẽ được công ty xem xét thực hiện

4. Chiến lược đầu tư và phát triển

a. Dự án đã thực hiện

- Trong quá trình hoạt động, công ty liên tục đầu tư và nâng cấp máy móc công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hoá sản phẩm. Máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng trong mỗi sáu tháng nhằm bảo đảm hiệu suất sản xuất cao và an toàn thực phẩm. Những đầu tư này là mua sắm các dây chuyền sản xuất hiện đại và nâng cấp các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm duy trì và cải tiến chất lượng sản phẩm, thu được hiệu suất sản lượng cao hơn và kỹ thuật đóng gói tiên tiến tuân thủ theo tiêu chuẩn HACCP của công ty.

- Các dây chuyền sản xuất đầu tư mới bao gồm một dây chuyền sản xuất nước trái cây không có gas, một dây chuyền sản xuất nước trái cây có gas, một dây chuyền sản xuất chiết nóng nóng trong chai PET (bao gồm một dây chuyền sản xuất nước trái cây tinh khiết), một hệ thống thẩm thấu ngược chiều và hai dây chuyền sản xuất chai PET. Các máy móc thiết bị có nguồn gốc từ Nhật, Nhật và Trung quốc.

b. Chiến lược phát triển năm 2007:

- Công ty thực hiện việc nắm phần trên cơ sở mua và nắm giữ bán tài nguyên sôihôu 90% vốn góp của phần của Công ty Công nghiệp thực phẩm Ava theo mệnh giá của công ty Wonderfarm Biscuits and Confectionery Sdn.Bhd và chuyển công ty này thành công ty con của Công ty có phần thực phẩm quốc tế khi công ty này chuyển sang công ty có phần nắm môi trường sản xuất của công ty cũng như thu hồi công sôihôu hai tầng sản xuất và nhà máy của Công ty Công nghiệp thực phẩm Ava.

- Di dời bộ phận nông hợp và các tiện ích đi kèm tồn tại tại thành phố Biên Hòa nên khu công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai sẽ chuẩn bị cho việc chấm dứt thỏa thuận thuê đất với Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai hết hạn trong năm 2011
- Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong năm 2007 sẽ tăng 10% so với năm 2006
- Thành lập một công ty con tại miền Bắc Việt Nam với 100% vốn cổ phần từ công ty cổ phần thực phẩm quốc tế nhằm môi trường sản xuất kinh doanh ra phía Bắc Việt Nam và các nước lân cận với tổng số vốn ban đầu khoảng 4 triệu Dollars Mỹ

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2007:

Stt	Chỉ tiêu	2006	2007
		VND	VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	657,393,976,188	723,133,373,807
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-15,707,700,873	-17,278,470,960
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	641,686,275,315	705,854,902,847
4	Giá vốn hàng bán	-516,725,496,558	-560,398,046,214
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	124,960,778,757	145,456,856,633
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6,621,487,947	7,283,636,742
7	Chi phí tài chính	-11,820,243,231	-13,002,267,554
8	Chi phí bán hàng	-28,296,589,743	-31,126,248,717
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-25,301,562,228	-27,831,718,451
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66,163,871,502	80,780,258,652
11	Thu nhập khác	8,580,400,011	1,438,440,012
12	Chi phí khác	-826,786,350	-909,464,985
13	Lợi nhuận khác	7,753,613,661	528,975,027
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73,917,485,163	81,309,233,679
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-14,375,890,557	-10,163,654,210
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59,541,594,606	71,145,579,469

6. Phát hành thêm cổ phiếu môi

- Công ty phát hành thêm cổ phiếu khoảng 10% vốn hiện tại của công ty, vốn hiện tại tăng thêm khoảng USD1,530,000, tăng số vốn khoảng USD4,500,000, Việc phát hành cổ phiếu môi sẽ được thực hiện bởi Hội đồng quản trị. Mục đích của việc thực hiện tăng vốn nhằm tài trợ cho việc môi trường hoạt động của công ty.

7. Cổ phiếu thông:

- Công ty phát hành cổ phiếu thông từ nguồn tăng số vốn cổ phần cho mỗi 5 (năm) cổ phiếu mệnh giá VND10,000 năm giới sẽ được 1 (một) cổ phiếu thông mệnh giá VND10,000

8. Chính sách quản trị:

- Cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, sản xuất sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng, giữ vững và nâng cao uy tín, thương hiệu sản phẩm trên thị trường.
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động để họ yên tâm, phấn khởi công tác, phát huy được tinh thần làm việc cao, tính chủ động sáng tạo trong công việc.
- Duy trì và hoàn thiện hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển của Cty.

C. Một số chỉ tiêu tài chính về hoạt động SXKD:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định / tổng tài sản	%	37.00	37.00
- Tài sản lưu động / tổng tài sản	%	63.00	63.00
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	62.00	36.00
- Nguồn vốn Chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	38.00	64.00
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.01	0.02
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.10	1.75
Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	11.00	12.00
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	10.00	9.00
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn Chủ sở hữu	%	24.00	15.00

D. Cấu trúc cổ đông

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng cổ phần	%	Số lượng cổ phần	%	Số lượng cổ phần	%
1. Cổ đông Nhà nước	-	0.00%	-	0.00%	-	0.0%
- Cổ đông ủy quyền		0.00%		0.00%	-	0.0%
- Cổ đông được cấp		0.00%		0.00%		0.0%
- Cổ đông khác		0.00%		0.00%		0.0%
2. Cổ đông đặc biệt	20,100	0.08%	20,424,600	84.11%	20,444,700	84.2%
- Cổ đông Hội đồng quản trị	20,000	0.08%		0.00%	20,000	0.1%
- Ban giám đốc		0.00%		0.00%		0.0%
- Ban kiểm soát		0.00%	1,000	0.00%	1,100	0.0%
- Cổ đông sáng lập	-	0.00%	20,423,600	84.10%	20,423,600	84.1%
3. Cổ đông trong Công ty	-	0.00%	-	0.00%	-	0.0%
- Cổ phiếu quỹ	-	0.00%		0.00%		0.0%
- Cổ đông ưu đãi		0.00%	-	0.00%		0.0%
4. Cổ đông thường	2,946,856	12.13%	892,604	3.68%	3,839,460	15.8%
Tổng cộng	2,966,956		21,317,204		24,284,160	100.0%

E. Cấu trúc cổ phiếu niêm yết

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng(%)
Cổ phần của cổ đông là thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban KS	21.100	0,4%
Cổ phần của cổ đông sáng lập được phép chuyển nhượng	1.868.912	32,6%
Cổ đông khác	3,839,460	67,0%
Tổng:	5.729.472	100,0%

Trên đây là cơ cấu cổ đông đến thời điểm chốt danh sách cổ đông chia cổ tức bằng tháio cuối năm 2006 vào ngày 14/02/2007 tại lả năm giới cổ phiếu của các thanh phần cổ đông vào không thay nỏi tở khi cổ phiếu của công ty bắt nằu niên yết tại trung tâm giao dỏch chứng khoán thanh phố Hà Chí Minh.

Các sự kiện khác liên quan đến báo cáo thường niên được trình bày trong báo cáo tóm tắt và báo cáo của kiểm toán đính kèm.

Thay mặt công ty cổ phần thực phẩm quốc tế
Chủ tịch Hội Đồng quản trị

PANG TEE CHIANG